

Số : 142/QĐ-CDKTKTTS-CTHSSV

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 498 /QĐ-CDKTKTTS ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản về việc ban hành “Quy định giải quyết chế độ trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp tiền hàng tháng học kỳ I (từ tháng 01/3/2023 đến 31/8/2023) năm học 2022-2023 cho những học sinh, sinh viên thuộc đối tượng:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập, học sinh, sinh viên tàn tật theo quy định chung của nhà nước có khó khăn về kinh tế với mức: 100.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

(Có danh sách học sinh, sinh viên được hưởng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo, Trưởng các khoa, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TCKT;
- Đưa Website;
- Lưu: VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

Ts. Bùi Thị Hạnh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-CDKTKTTS ngày 10 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản)

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
1	Phan Ngọc Hiên	22/01/2007	10A1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
2	Đào Duy Tấn	28/11/2007	10A2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
3	Phạm Xuân Thắng	09/10/2007	10A2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
4	Nguyễn Thị Ngọc Lan	25/02/2005	12A1	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100,000	6	600,000
5	Phạm Văn Đại	07/07/2004	11A1	Tàn tật theo quy định chung của nhà nước có khó khăn về kinh tế	100,000	6	600,000
6	Nguyễn Đăng Trường	19/12/2005	11A1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
7	Phạm Hoài Nam	20/07/2005	12A2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
8	Nguyễn Thọ Hưng	19/05/2005	12A2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
9	Đào Thị Thảo	20/01/2005	12A2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
10	Ngô Thị Trà My	24/10/2003	2114001	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
Tổng cộng							6,000,000

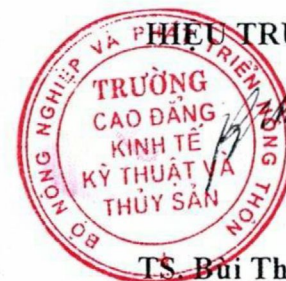
Ấn định danh sách có 10 học sinh, sinh viên

NGƯỜI LẬP

Trần Thị An

TP. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Đỗ Văn Sơn



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh